

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH
NGÀY 15 THÁNG 3 NĂM 2015

<i>TT</i>	<i>MSHS</i>	<i>Họ tên học sinh</i>		<i>Ngày sinh</i>	<i>Kết quả</i>	<i>Lớp</i>
1	13B3150001	Nguyễn Cao Tuấn	Anh	28.12.95	2.0	13TC-ĐT
2	13B3150002	Nguyễn Thanh	Bình	15.01.89	1.5	13TC-ĐT
3	13B3150027	Văn Phú	Cường	10.09.93	2.0	13TC-ĐT
4	13B3150005	Trần Nhân	Đạo	23.11.94	VẮNG	13TC-ĐT
5	13B3150028	Phạm	Hiền	27.02.95	3.0	13TC-ĐT
6	13B3150032	Đỗ Khắc Bảo	Hoàng	12.10.95	0.5	13TC-ĐT
7	13B3150008	Trần Đức	Huệ	01.05.93	2.0	13TC-ĐT
8	13B3150009	Trần Bá	Khánh	20.10.95	2.0	13TC-ĐT
9	13B3150010	Nguyễn Thành	Khương	21.03.95	3.0	13TC-ĐT
10	13B3150031	Bùi Thiện	Toàn	28.07.95	2.5	13TC-ĐT
11	13B3150021	Nguyễn Đình	Trí	07.11.93	VẮNG	13TC-ĐT
12	13B3150022	Ngô Văn Minh	Trong	27.06.92	2.5	13TC-ĐT
13	13B3080001	Mai Trần Tuấn	Anh	22.09.93	2.5	13TC-Đ1
14	13B3080002	Lâm Thanh	Bình	27.03.94	1.5	13TC-Đ1
15	13B3080004	Nguyễn	Cảnh	10.02.95	1.5	13TC-Đ1
16	13B3080005	Dương Hữu	Công	21.07.93	2.0	13TC-Đ1
17	13B3080104	Lê Minh	Cường	04.07.94	1.5	13TC-Đ1
18	13B3080007	Nguyễn Văn	Cường	16.09.90	2.0	13TC-Đ1
19	13B3080008	Cao Thành	Danh	30.11.93	2.5	13TC-Đ1
20	13B3080010	Nguyễn Tiến	Dũng	24.10.91	2.5	13TC-Đ1
21	13B3080012	Võ Hồng	Dương	19.03.92	2.0	13TC-Đ1
22	13B3080016	Nguyễn Quang	Đại	05.08.95	2.5	13TC-Đ1
23	13B3080018	Nguyễn Hồng	Đức	26.03.91	3.0	13TC-Đ1
24	13B3080019	Phạm Văn	Được	27.02.95	2.0	13TC-Đ1
25	13B3080100	Nguyễn Hoàng	Gia	17.09.92	2.5	13TC-Đ1
26	13B3080023	Nguyễn Thanh	Hiền	20.06.93	3.0	13TC-Đ1
27	13B3080025	Hoàng Duy	Hội	28.08.91	1.5	13TC-Đ1
28	13B3080091	Hồ Xuân	Hùng	28.10.94	VẮNG	13TC-Đ1
29	13B3080026	Nguyễn Cảnh	Hưng	31.10.94	2.5	13TC-Đ1
30	13B3080027	Nguyễn Quốc	Hưng	20.07.94	1.5	13TC-Đ1
31	13B3080029	Hồ Gia	Huy	17.12.93	1.5	13TC-Đ1
32	13B3080030	Lê Quốc	Huy	10.10.92	2.5	13TC-Đ1
33	13B3080031	Phùng Xương	Huy	29.09.95	1.5	13TC-Đ1
34	13B3080032	Nguyễn Văn	Khánh	17.08.95	2.5	13TC-Đ1
35	13B3080034	Lê Quang	Kính	27.01.94	2.0	13TC-Đ1
36	13B3080036	Trần Trung	Lâm	21.04.95	1.5	13TC-Đ1
37	13B3080039	Hoàng Ngọc	Linh	06.11.95	2.0	13TC-Đ1

<i>TT</i>	<i>MSHS</i>	<i>Họ tên học sinh</i>		<i>Ngày sinh</i>	<i>Kết quả</i>	<i>Lớp</i>
38	13B3080046	Huỳnh Trung	Ngãi	27.10.95	2.0	13TC-Đ1
39	13B3080049	Đào Văn	Phấn	24.09.95	2.0	13TC-Đ1
40	13B3080051	Ngô Hoài	Phong	02.09.92	2.0	13TC-Đ1
41	13B3080090	Nguyễn Văn	Phong	07.02.95	2.0	13TC-Đ1
42	13B3080052	Trần Nguyễn Chí	Phong	08.08.94	VÀNG	13TC-Đ1
43	13B3080054	Nguyễn Hữu	Phước	04.02.95	3.0	13TC-Đ1
44	13B3080055	Nguyễn Minh	Phương	16.10.94	2.0	13TC-Đ1
45	13B3080057	Trương Văn	Phượng	07.05.93	2.5	13TC-Đ1
46	13B3080058	Nguyễn Hoàng	Quân	09.03.94	0.5	13TC-Đ1
47	13B3080060	Nguyễn Minh	Quy	30.05.94	2.0	13TC-Đ1
48	13B3080061	Nguyễn Văn	Quý	07.04.92	1.0	13TC-Đ1
49	13B3080092	Nguyễn Nhật	Tâm	20.10.95	1.5	13TC-Đ1
50	13B3080096	Thái Hoàng	Tâm	22.06.95	2.5	13TC-Đ1
51	13B3080066	Nguyễn Đức	Thắng	03.03.95	2.0	13TC-Đ1
52	13B3080068	Nguyễn Trung	Thành	04.05.95	2.0	13TC-Đ1
53	13B3080094	Nguyễn Tuấn	Thanh	15.07.93	2.0	13TC-Đ1
54	13B3080069	Võ Thiện	Thành	02.07.91	2.0	13TC-Đ1
55	13B3080070	Mai Quý	Thiện	23.09.89	3.0	13TC-Đ1
56	13B3080097	Hoàng Quang	Thọ	10.07.93	3.0	13TC-Đ1
57	13B3080071	Vương Hoàng	Thọ	10.10.88	1.5	13TC-Đ1
58	13B3080103	Lê Huyền	Thoại	23.02.94	2.0	13TC-Đ1
59	13B3080076	Phạm Văn	Thương	02.05.95	1.0	13TC-Đ1
60	13B3080078	Châu Quốc	Toán	12.01.95	2.5	13TC-Đ1
61	13B3080081	Vũ Minh	Toàn	02.08.95	2.5	13TC-Đ1
62	13B3080095	Bùi Việt	Tòng	03.04.95	2.0	13TC-Đ1
63	13B3080082	Phan Minh	Trí	10.12.95	2.0	13TC-Đ1
64	13B3080083	Nguyễn Tứ	Tuần	25.12.88	2.0	13TC-Đ1
65	13B2190051	Nguyễn Chí	Bình	02.03.93	2.0	13TC-ĐL
66	13B2190002	Trần Quốc	Công	04.01.95	2.0	13TC-ĐL
67	13B2190041	Võ Ngọc Thạch Đại	Dương	19.09.93	3.0	13TC-ĐL
68	13B2190003	Nguyễn Văn	Đức	17.07.94	3.5	13TC-ĐL
69	13B2190004	Lê Sỹ	Giáp	17.01.95	3.0	13TC-ĐL
70	13B2190039	Nguyễn Trọng	Hiếu	30.10.91	3.0	13TC-ĐL
71	13B2190005	Nguyễn Trung	Hiếu	11.06.93	3.0	13TC-ĐL
72	13B2190006	Phạm Tấn	Hiếu	04.10.94	3.0	13TC-ĐL
73	13B2190008	Phạm Cao	Hoàng	21.02.95	2.5	13TC-ĐL
74	13B2190010	Lê	Huân	16.06.94	1.5	13TC-ĐL
75	13B2190013	Võ Tấn	Hưng	11.01.94	2.5	13TC-ĐL
76	13B2190048	Manh Văn	Kha	20.04.94	2.5	13TC-ĐL
77	13B2190015	Lương Trí	Khải	28.11.95	2.5	13TC-ĐL
78	13B2190017	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	08.12.95	3.0	13TC-ĐL
79	13B2190018	Nguyễn Cao	Kỳ	11.07.91	2.5	13TC-ĐL
80	13B2190019	Nguyễn Ngọc	Mạnh	03.05.94	3.0	13TC-ĐL

<i>TT</i>	<i>MSHS</i>	<i>Họ tên học sinh</i>		<i>Ngày sinh</i>	<i>Kết quả</i>	<i>Lớp</i>
81	13B2190020	Lê Văn	Nam	25.12.93	2.5	13TC-ĐL
82	13B2190022	Cún A	Phúc	15.02.94	3.5	13TC-ĐL
83	13B2190026	Nguyễn Trung	Tân	23.08.94	2.5	13TC-ĐL
84	13B2190030	Huỳnh Minh	Trí	12.04.94	3.0	13TC-ĐL
85	13B2190031	Nguyễn Văn	Trượng	18.05.92	1.5	13TC-ĐL
86	13B2190032	Phạm Minh	Trưởng	25.08.94	2.0	13TC-ĐL
87	13B2190033	Kiên Thanh	Tùng	15.04.94	2.0	13TC-ĐL
88	13B2190035	Phan Thanh	Vĩnh	15.10.90	2.0	13TC-ĐL
89	13B2190049	Ông Đặng Hải	Triều	08.11.94	VẮNG	13TC-ĐL
90	13B2040001	Trần Phi	Ân	10.01.95	2.0	13TC-CKT
91	13B2040005	Lâm Minh	Cường	19.09.95	2.5	13TC-CKT
92	13B2040041	Huỳnh Minh	Dương	13.07.93	1.5	13TC-CKT
93	13B2040042	Trần Xuân	Giang	20.01.94	1.5	13TC-CKT
94	13B2040008	Lâm Văn	Hết	1995	1.5	13TC-CKT
95	13B2040043	Trần Duy	Hiếu	02.05.94	2.5	13TC-CKT
96	13B2040010	Nguyễn Minh	Hoàng	02.03.93	2.5	13TC-CKT
97	13B2040014	Lê Duy	Khiêm	12.09.95	2.0	13TC-CKT
98	13B2040040	Võ Tấn	Lợi	02.01.94	2.0	13TC-CKT
99	13B2040019	Huỳnh Nguyễn Minh	Nhật	15.12.95	2.0	13TC-CKT
100	13B2040020	Văn Xuân	Phú	17.05.92	1.5	13TC-CKT
101	13B2040021	Võ Hoàng	Phúc	28.09.95	VẮNG	13TC-CKT
102	13B2040023	Phan Nguyễn Nam	Sang	23.08.90	1.0	13TC-CKT
103	13B2040024	Lưu Ngọc	Sơn	27.02.95	2.0	13TC-CKT
104	13B2040025	Trần Duy	Tâm	22.06.90	2.0	13TC-CKT
105	13B2040048	Lê Văn	Thái	16.01.92	VẮNG	13TC-CKT
106	13B2040026	Nguyễn Duy	Thanh	22.03.94	2.5	13TC-CKT
107	13B2040028	Phạm Mẫn Phước	Thành	12.11.92	3.0	13TC-CKT
108	13B2040029	Lê Văn	Tri	28.02.95	1.5	13TC-CKT
109	13B2040030	Nguyễn Cao	Trí	06.06.94	1.5	13TC-CKT
110	13B2040034	Lưu Minh	Tuấn	23.10.95	2.5	13TC-CKT
111	13B2040038	Võ Quốc	Tuấn	04.08.94	2.0	13TC-CKT
112	13B2040051	Nguyễn Duy	Vũ	19.07.95	2.5	13TC-CKT
113	13B2040053	Trần Văn	Xiên	26.07.94	1.5	13TC-CKT
114	13B2040035	Ung Hoàng	Yêm	15.08.89	1.5	13TC-CKT
115	12B204P023	Lê Phú	Nguyên	05.03.93	1.5	13TC-CKT
116	13B2250004	Hà Huy	Bình	09.10.93	2.0	13TC-Ô1
117	13B2250008	Hoàng Trọng	Cương	03.06.91	2.0	13TC-Ô1
118	13B2250009	Mai Văn	Cường	27.04.94	2.5	13TC-Ô1
119	13B2250010	Mai Công	Danh	26.06.95	3.0	13TC-Ô1
120	13B2250014	Hồng Đình	Duy	25.11.94	3.0	13TC-Ô1
121	13B2250016	Trương Văn	Đại	05.07.95	2.5	13TC-Ô1
122	13B2250017	Nguyễn Tấn	Đán	04.04.94	2.5	13TC-Ô1
123	13B2250020	Nguyễn Vũ	Hào	29.08.95	3.0	13TC-Ô1

<i>TT</i>	<i>MSHS</i>	<i>Họ tên học sinh</i>		<i>Ngày sinh</i>	<i>Kết quả</i>	<i>Lớp</i>
124	13B2250023	Bùi Duy	Hiển	17.12.94	2.0	13TC-Ô1
125	13B2250024	Nguyễn Công	Hiệp	20.06.94	2.0	13TC-Ô1
126	13B2250025	Võ Trung	Hiếu	07.11.95	1.5	13TC-Ô1
127	13B2250027	Nguyễn Minh	Hoàng	20.11.94	1.5	13TC-Ô1
128	13B2250103	Hoàng Dy	Hưng	15.10.94	2.5	13TC-Ô1
129	13B2250028	Mai Văn	Hưng	10.05.95	1.5	13TC-Ô1
130	13B2250030	Cao Quốc	Huy	20.04.94	1.5	13TC-Ô1
131	12B2250023	Mai Văn	Huỳnh	10.11.93	3.5	13TC-Ô1
132	13B2250032	Nguyễn Thiên	Kha	14.06.95	1.5	13TC-Ô1
133	13B2250033	Hà Duy	Khánh	20.03.94	2.0	13TC-Ô1
134	13B2250035	Nguyễn Ngọc	Kỳ	16.02.94	3.0	13TC-Ô1
135	13B2250038	Bùi Ngọc	Liên	02.03.94	1.5	13TC-Ô1
136	13B2250041	Tsần Trần	Long	22.01.95	1.0	13TC-Ô1
137	13B2250043	Nguyễn Minh	Mẫn	21.04.94	4.0	13TC-Ô1
138	13B2250044	Hoàng Cơ	Minh	15.05.94	1.5	13TC-Ô1
139	13B2250045	Lê Hồng	Minh	20.04.95	3.0	13TC-Ô1
140	13B2250046	Lưu Tấn	Minh	06.12.94	2.0	13TC-Ô1
141	13B2250051	Phan Bá	Nguyễn	20.09.93	4.5	13TC-Ô1
142	13B2250054	Trần Thanh	Phong	10.05.95	2.0	13TC-Ô1
143	13B2250057	Phạm Hồng	Phúc	15.03.90	4.5	13TC-Ô1
144	13B2250100	Nguyễn Văn	Phương	20.08.91	2.0	13TC-Ô1
145	13B2250064	Nguyễn Duy	Quang	17.03.87	4.5	13TC-Ô1
146	13B2250093	Nguyễn Phước	Quang	20.08.95	1.5	13TC-Ô1
147	13B2250066	Lương Văn	Quyển	10.02.95	2.5	13TC-Ô1
148	13B2250012	Cao Vũ Thanh	Tài	10.10.91	2.0	13TC-Ô1
149	13B2250068	Trương Tấn	Tài	26.02.94	3.0	13TC-Ô1
150	13B2250069	Bùi Thanh	Tân	11.01.94	2.0	13TC-Ô1
151	12B2250043	Lê Văn	Tân	20.08.91	VẮNG	13TC-Ô1
152	13B2250070	Trịnh Hồng	Thái	08.07.95	1.5	13TC-Ô1
153	13B2250107	Trần Quốc	Thắng	25.05.90	3.0	13TC-Ô1
154	13B2250072	Nguyễn Tấn	Thành	19.12.95	1.5	13TC-Ô1
155	13B2250074	Bùi Vũ	Thị	07.09.94	2.0	13TC-Ô1
156	13B2250075	Võ Trung	Thiên	06.08.95	1.5	13TC-Ô1
157	13B2250076	Nguyễn Đức	Thịnh	05.10.94	2.5	13TC-Ô1
158	13B2250077	Nguyễn Quốc	Thịnh	29.08.92	4.0	13TC-Ô1
159	13B2250097	Nguyễn Thanh	Tiếp	12.10.95	1.5	13TC-Ô1
160	13B2250081	Đinh Hùng	Tính	15.07.94	1.5	13TC-Ô1
161	13B2250105	Phan	Toàn	16.06.94	2.0	13TC-Ô1
162	13B2250083	Vũ Nhật	Trưởng	10.01.95	VẮNG	13TC-Ô1
163	13B2250084	Đào Ngọc	Tuấn	13.02.95	1.5	13TC-Ô1
164	13B2250086	Nguyễn Minh	Tuấn	06.05.94	1.5	13TC-Ô1
165	13B2250090	Hoàng Quốc	Vũ	08.07.93	2.0	13TC-Ô1
166	13B2050001	Tạ Thị Ngọc	Ảnh	13.06.94	2.5	13TC-MT

<i>TT</i>	<i>MSHS</i>	<i>Họ tên học sinh</i>		<i>Ngày sinh</i>	<i>Kết quả</i>	<i>Lớp</i>
167	13B2050002	Nguyễn Thị Kim	Báu	09.02.95	2.0	13TC-MT
168	13B2050003	H Muel	Byă	17.04.94	1.5	13TC-MT
169	13B2050004	Lê Thị Thu	Hiền	07.06.88	1.5	13TC-MT
170	13B2050005	Huỳnh Thị	Huệ	10.01.94	2.5	13TC-MT
171	13B2050006	Phạm Thị	Huế	05.03.94	2.0	13TC-MT
172	13B2050007	Trần Thị Mỹ	Hường	22.12.93	2.5	13TC-MT
173	13B2050008	Lê Thị Ngọc	Huyền	10.01.94	3.5	13TC-MT
174	13B2050028	Võ Kim	Lài	09.07.94	3.0	13TC-MT
175	13B2050009	Nguyễn Thị Ái	Linh	08.11.94	2.0	13TC-MT
176	13B2050010	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	22.07.94	2.5	13TC-MT
177	13B2050012	Trần Thị Kim	Ngân	03.06.91	3.0	13TC-MT
178	13B2050022	Nguyễn Anh	Phương	08.02.91	5.0	13TC-MT
179	13B2050013	Nguyễn Thị	Phượng	01.07.92	0.5	13TC-MT
180	13B2050014	Võ Thị Kim	Phượng	04.10.95	2.5	13TC-MT
181	13B2050015	Trần Thị	Tâm	25.08.94	2.5	13TC-MT
182	13B2050016	Lê Thị Kim	Thanh	20.11.94	3.0	13TC-MT
183	13B2050017	Trương Ngọc	Thoa	28.08.94	2.0	13TC-MT
184	13B2050020	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	19.12.95	2.5	13TC-MT
185	13B2050021	Nguyễn Thị	Tuyệt	1994	3.0	13TC-MT
186	13B2050027	Lê Thị Bích	Vân	06.08.95	2.0	13TC-MT
187	13B2020002	Nguyễn Trường	Ân	01.01.93	3.0	13TC-QTM
188	13B2020004	Trần Hoàng	Cương	05.04.92	2.0	13TC-QTM
189	13B2020005	Huỳnh	Đạt	15.02.94	2.0	13TC-QTM
190	13B2020007	Trần Hữu	Đức	12.02.89	2.5	13TC-QTM
191	13B2020049	Nguyễn Duy	Liên	10.06.95	1.0	13TC-QTM
192	13B2020048	Hà Minh	Mẫn	24.02.91	2.5	13TC-QTM
193	13B2020014	Nguyễn Văn	Ngọc	30.01.87	3.0	13TC-QTM
194	13B2020016	Lưu Chí	Phong	07.02.94	2.0	13TC-QTM
195	13B2020017	Lê Phú	Sang	21.05.94	1.5	13TC-QTM
196	13B2020041	Phùng Mạnh	Tân	01.06.94	2.0	13TC-QTM
197	13B2020019	Trần Ngọc	Thạch	29.06.95	3.5	13TC-QTM
198	13B2020061	Ngô Quốc	Thái	23.08.91	2.5	13TC-QTM
199	13B2020020	Nguyễn Trọng	Thái	21.01.93	3.0	13TC-QTM
200	13B2020025	Đinh Thanh	Toàn	17.11.91	3.5	13TC-QTM
201	13B2020026	Lê Ngọc Trí	Toàn	09.09.94	2.0	13TC-QTM
202	13B2020027	Nguyễn Dũng	Trí	22.10.95	2.0	13TC-QTM
203	13B2020028	Nguyễn Minh	Trí	23.09.94	2.0	13TC-QTM
204	13B2020056	Trần Đình	Việt	12.04.93	3.0	13TC-QTM
205	12B2020004	Huỳnh Văn	Dương	16.06.94	1.5	13TC-QTM
206	12B2030017	Nguyễn Thái	Hưng	13.07.92	VẮNG	13TC-QTM
207	12B2020040	Trần Tuyên	Phong	28.09.93	1.0	13TC-QTM
208	12B2020066	Trần Minh	Triết	23.09.94	2.5	13TC-QTM

<i>TT</i>	<i>MSHS</i>	<i>Họ tên học sinh</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Kết quả</i>	<i>Lớp</i>
209	12B2020076	Trương Chí Vĩnh	23.08.93	2.0	13TC-QTM

Tổng cộng danh sách có 209 học sinh.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

